

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN												
BẢNG ĐIỂM KỲ THI CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO												
Ngày Thi: 12/10/2025												
STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC10294	Lê Thị Quế	Anh	04/04/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh							Vắng
2	BKNC10295	Dương Ngọc	Ánh	29/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	3.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt	
3	BKNC10296	Châu Gia	Bảo	24/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	9.0	9.5	9.0	Đạt	
4	BKNC10297	Nguyễn Hoàng An	Bình	21/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	7.5	8.0	8.17	Đạt	
5	BKNC10298	Đinh Thị	Cẩm	17/09/2006	Hà Tĩnh	8.0	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	
6	BKNC10299	Nguyễn Bảo	Châu	14/03/2004	Đồng Nai							Vắng
7	BKNC10300	Nguyễn Trần Hải	Đăng	27/10/2005	Vĩnh Long	5.67	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
8	BKNC10301	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.0	9.0	9.5	8.83	Đạt	
9	BKNC10302	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/01/2003	Tiền Giang	7.33	8.0	0.0	0.0	2.67	Không đạt	
10	BKNC10303	Phan Thị Thu	Hương	11/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
11	BKNC10304	Lê Ngọc	Huyền	27/04/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh							Vắng
12	BKNC10305	Huỳnh Trúc	Ly	18/02/2005	Đồng Tháp	9.67	8.5	9.0	10.0	9.17	Đạt	
13	BKNC10306	Nguyễn Thanh	Lý	19/06/2003	Quảng Ngãi	8.0	8.5	9.0	9.5	9.0	Đạt	
14	BKNC10307	Lê Hoàng Trà	My	22/07/2004	Khánh Hoà	8.33	9.0	9.5	9.0	9.17	Đạt	
15	BKNC10308	Nguyễn Thị Thu	Ngân	02/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.5	8.0	7.0	8.17	Đạt	
16	BKNC10309	Cao Bảo	Nghi	27/12/2003	Đồng Nai	7.67	8.5	7.5	9.0	8.33	Đạt	
17	BKNC10310	Lê Ngọc Song	Nghi	21/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.5	9.0	9.5	9.0	Đạt	
18	BKNC10311	Võ Loan	Nghi	12/04/2005	Vĩnh Long	9.67	8.5	9.0	9.0	8.83	Đạt	
19	BKNC10312	Phùng Đắc Thảo	Nguyên	08/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	8.5	8.0	8.0	8.17	Đạt	
20	BKNC10313	Lê Thị	Nhâm	13/08/2004	Bắc Ninh	8.0	7.5	7.0	7.5	7.33	Đạt	
21	BKNC10314	Bùi Thị Thanh	Nhàn	19/07/2004	Đồng Tháp							Vắng
22	BKNC10315	Đỗ Thị Ngọc	Như	05/01/2005	Vĩnh Long	9.0	8.5	8.5	9.5	8.83	Đạt	
23	BKNC10316	Nguyễn Thái Kim	Nhung	02/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.5	7.5	10.0	8.67	Đạt	
24	BKNC10317	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	17/02/2003	Cà Mau	7.33	6.5	7.0	2.0	5.17	Không đạt	
25	BKNC10318	Đỗ	Quyên	15/01/2004	An Giang	10.0	8.5	9.0	9.0	8.83	Đạt	
26	BKNC10319	Võ Tấn	Sang	06/04/2004	Tây Ninh	5.67	8.5	8.5	10.0	9.0	Đạt	
27	BKNC10320	Ngô Thị Thanh	Thảo	09/11/2004	Bình Dương	8.33	8.0	9.0	7.0	8.0	Đạt	
28	BKNC10321	Nguyễn Thị Phúc	Trâm	17/01/2005	Đắk Lắk	6.67	0.0	9.0	7.0	5.33	Không đạt	
29	BKNC10322	Phạm Thị Bích	Trâm	16/10/2004	Bình Phước	9.0	8.5	7.0	8.5	8.0	Đạt	
30	BKNC10323	Trần Huyền	Trân	13/03/2005	Đắk Lắk	8.0	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
31	BKNC10324	Phan Thục	Trình	15/02/2004	Đắk Lắk	8.67	8.5	9.0	9.0	8.83	Đạt	
32	BKNC10325	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	17/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.5	9.0	9.0	8.83	Đạt	
33	BKNC10326	Bùi Ngọc Cẩm	Tú	23/01/2004	Quảng Ngãi	8.67	9.0	8.5	0.0	5.83	Không đạt	
34	BKNC10327	Lê Thị Tường	Vi	19/09/2005	An Giang	6.67	7.5	8.0	2.0	5.83	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
35	BKNC10328	Huỳnh Thị Ái	Viên	20/01/2005	Quảng Ngãi	9.0	8.5	8.0	9.0	8.5	Đạt	
36	BKNC10329	Lâm Thanh	Vy	13/03/2005	Tây Ninh	9.0	8.5	8.5	6.0	7.67	Đạt	
37	BKNC10330	Nguyễn Phạm Quyên	Vy	16/12/2004	Đồng Nai							Vắng
38	BKNC10331	Huỳnh Ngọc Như	Ý	10/06/2001	Đồng Tháp	8.67	8.5	8.0	9.5	8.67	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) >=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5*

Số lượng thí sinh:38Số thí sinh đạt:27

Số lượng hiện diện:33

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam